

Số: 102/2026/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Thị Hương Giang- Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Lý Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 138/2026/TLST-VLĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 84/2026/QĐST-LĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Nguyễn Thị Chúc L, sinh năm: 1992; thường trú: Ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau; địa chỉ liên hệ: NT Văn Hiếu – Tổ D, khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Công ty TNHH M; địa chỉ: khu A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu - Thành phố H; địa chỉ: Đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết, người yêu cầu bà Nguyễn Thị Chúc L trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Chúc L tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà Nguyễn Thị Chúc L bị trùng.

Nguyên nhân bị trùng bảo hiểm xã hội là do tháng 04/2012 có người đã sử dụng thông tin của bà Nguyễn Thị Chúc L giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH M trong thời gian từ tháng 04/2012 đến tháng 08/2012, được Công ty TNHH M tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ bảo hiểm 7412047804. Đồng thời gian đó, bà Nguyễn Thị Chúc L đang giao kết Hợp đồng lao động với một công ty khác và không hề biết đến sự

việc trên. Bà Nguyễn Thị Chúc L cam kết không hề biết đến sự việc có người đã sử dụng thông tin của mình để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M.

Nhận thấy, việc có người sử dụng chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Chúc L để giao kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH M dưới tên bà Nguyễn Thị Chúc L là sai quy định, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Chúc L nên bà Nguyễn Thị Chúc L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Chúc L và Công ty TNHH M là vô hiệu và không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH M đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp nhưng vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh:

BHXH cơ sở L đã có công văn số 631/BHXH-QLT ngày 11/3/2026 xác nhận thời gian tham gia đóng BHXH, Bảo hiểm y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN), với mức lương cụ thể, thông tin hưởng/ chưa hưởng chế độ BHXH, BHTN, theo thông tin của bà Nguyễn Thị Chúc L, sinh ngày 19/3/1992; CMND số 385560658; CCCD số 095192004820 làm căn cứ để người lao động bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của các bên liên quan.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Người yêu cầu bà Nguyễn Thị Chúc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Công ty TNHH M đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Nguyễn Thị Chúc L là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Nguyễn Thị Chúc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Công ty TNHH M đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Trong thời gian từ tháng 04/2012 đến tháng 08/2012, người lao động Nguyễn Thị Chúc L giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M và được Công ty TNHH M tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7412047804. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Chúc L xác định người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M và thực tế làm việc tại công ty T khoảng thời gian từ tháng 04/2012 đến tháng 08/2012 không phải là bà Nguyễn Thị Chúc L mà có người sử dụng chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Chúc L để giao kết hợp đồng lao động.

[3] Xét thấy, lời khai của bà Nguyễn Thị Chúc L phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu và các chứng cứ người yêu cầu cung cấp. Theo đó, trong khoảng thời gian từ tháng 04/2012 đến tháng 08/2012, bà Nguyễn Thị Chúc L không giao kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty TNHH M. Như vậy, chủ thể ký kết hợp

đồng lao động với Công ty TNHH M trong khoảng thời gian tháng 04/2012 đến tháng 08/2012 không phải là bà Nguyễn Thị Chúc L. Đây là hợp đồng lao động không đúng về chủ thể, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi giao kết hợp đồng lao động thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo quy định tại Điều 132 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Chúc L về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Chúc L với Công ty TNHH M theo sổ bảo hiểm xã hội số 7412047804 bị vô hiệu.

[5] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: "...Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu", chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Chúc L về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH M trong giai đoạn từ tháng 04/2012 đến tháng 08/2012 không phải là bà Nguyễn Thị Chúc L. Bà Nguyễn Thị C có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7412047804.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Chúc L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (sửa đổi, bổ sung năm 2002, năm 2006, năm 2009).

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị Chúc L.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Chúc L với Công ty TNHH M (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7412047804) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7412047804 không phải là bà Nguyễn Thị Chúc L, sinh năm 1992; giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 095192004820. Bà Nguyễn Thị Chúc L được quyền liên hệ với C1 có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7412047804.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị Chúc L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0019797 ngày 31/3/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT,HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Mỹ Thanh